

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 27

3300
C
RÁCH
KIẾ
AFC
1-7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Công ty

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là: gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông	Lưu Hoàng Long	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông	Trần Thanh Lưu	Thành viên
Bà	Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Ông	Hà Hữu Quang	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà	Trần Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban kiểm soát
Bà	Hà Thị Phương	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Trãi	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông	Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông	Trần Minh Đức	Phó Giám đốc
Ông	Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc
Ông	Hà Hữu Quang	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

44E
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LƯU HOÀNG LONG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

992
TY
HỮU
DÁI
NA
30

Số : 82/2015/BCKT-HCM.00195

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Điện tử Bình Hòa, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại mục 4.10 Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản đầu tư của Công ty vào công ty con – Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh với số vốn thực góp là 510.000.000 VND. Cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 từ Công ty con này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì chúng tôi không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1042-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.117.997.760	31.629.699.591
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	7.421.424.602	8.971.379.995
Tiền	111		2.921.424.602	2.971.379.995
Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	6.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		10.937.869.583	17.528.777.181
Phải thu khách hàng	131	4.2	6.460.063.910	10.042.382.953
Trả trước cho người bán	132	4.3	5.891.142.850	5.833.141.600
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.636.836.541	1.653.252.628
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.5	(3.050.173.718)	-
Hàng tồn kho	140	4.6	7.051.236.001	4.623.168.725
Hàng tồn kho	141		7.051.236.001	4.624.355.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.187.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		707.467.574	506.373.690
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.082.913	42.749.089
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.14	48.028.754	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.14	652.355.907	454.274.601
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	9.350.000

N:030
TRÁCI
KI
AFC
/N/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.645.802.457	3.626.974.358
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		1.278.682.984	2.048.344.948
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	1.278.682.984	1.965.117.039
Nguyên giá	222		22.294.663.865	22.855.241.141
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.015.980.881)	(20.890.124.102)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	-	-
Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	83.227.909
Bất động sản đầu tư	240	4.9	213.931.448	403.307.306
Nguyên giá	241		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.998.026.495)	(5.808.650.637)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	956.500.000	956.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		446.500.000	446.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		196.688.025	218.822.104
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	196.688.025	218.822.104
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.763.800.217	35.256.673.949

044
CÔNG
NHỊ
EM
VIỆ
TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.358.260.875	3.857.422.118
Nợ ngắn hạn	310		2.192.050.275	3.669.865.518
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.12	1.773.738.669	481.462.291
Người mua trả tiền trước	313	4.13	497.449.357	3.120.832.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.14	-	147.054.534
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.278.125	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	(81.415.876)	(79.483.307)
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		166.210.600	187.556.600
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.16	166.210.600	187.556.600
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.405.539.342	31.399.251.831
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	26.405.539.342	31.399.251.831
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.804.808.050	1.804.808.050
Quỹ dự phòng tài chính	418		505.591.690	505.591.690
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(4.904.860.398)	88.852.091
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.763.800.217	35.256.673.949

899
T T
H H
TOÁN
I NA
OC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		30.303.500	30.303.506
Ngoại tệ các loại		-	-
USD	4.1	87.284,46	42.190,28
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng
NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		95.703.355.532	92.356.665.455
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	95.703.355.532	92.356.665.455
Giá vốn hàng bán	11	5.2	85.515.347.115	81.144.005.977
Lợi nhuận gộp	20		10.188.008.417	11.212.659.478
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	437.612.495	751.904.172
Chi phí tài chính	22	5.4	113.262.411	97.621.750
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	2.388.888.352	2.357.734.965
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	13.278.845.624	10.414.664.481
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(5.155.375.475)	(905.457.546)
Thu nhập khác	31	5.7	818.129.981	1.206.394.928
Chi phí khác	32	5.8	567.614.904	171.766.206
Lợi nhuận khác	40		250.515.077	1.034.628.722
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.904.860.398)	129.171.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	-	40.319.085
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.904.860.398)	88.852.091
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	(1.691)	31

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

LÊ THỊ NGỌC THÙY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Ngõ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(4.904.860.398)	129.171.176
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	946.089.913	1.363.549.858
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	3.048.986.718	(51.224.949)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(29.143.536)	6.949.771
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(297.971.671)	(464.868.855)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(1.236.898.974)	983.577.001
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	3.325.709.394	(8.315.737.758)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.426.880.276)	5.368.457.341
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.058.509.571)	1.694.141.411
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	57.800.255	43.357.616
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(336.690.404)	(782.976.432)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	500.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(112.630.660)	(172.184.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.787.600.236)	(1.181.365.021)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(70.280.000)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	17.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	280.244.398	464.868.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	227.691.671	464.868.855
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.030.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.030.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	(1.559.908.565)	(2.746.496.166)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	8.971.379.995	11.719.311.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.953.172	(1.435.090)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	7.421.424.602	8.971.379.995

Nguyen

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

Thuy

LÊ THỊ NGỌC THUY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VBH.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 455 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 536 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng công bố vào ngày này (21.246 VND/USD).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

004
CỘNG
HÒA
NIÊM
YẾT
C VI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí phát sinh và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

892
G T
NHƯ
TOÁI
T NA
10 C

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

3.8 Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó

Kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 là 22%.

3.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.14 Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các Công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty điện tử tin học Việt Nam	Cổ đông chi phối (công ty mẹ)
Công ty CP TM DV Bình Minh	Công ty con
Công ty cổ phần Công nghệ mới	Cổ đông

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 8.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ	246.575.696	426.217.020
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	820.403.268	1.657.648.245
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	1.854.445.638	887.514.730
Tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1-3 tháng)	4.500.000.000	6.000.000.000
	<u>7.421.424.602</u>	<u>8.971.379.995</u>

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bằng USD vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 87.284,46 USD tương đương 1.854.445.638 VND.

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng – bên thứ ba		
Trong nước	1.761.827.575	6.243.523.594
Nước ngoài - USD	4.698.236.335	3.798.859.359
	<u>6.460.063.910</u>	<u>10.042.382.953</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, trong số dư phải thu thương mại bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 221.135,10 USD tương đương 4.698.236.335 VND.

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người bán – bên thứ 3		
Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	3.095.029.600	5.833.141.600
Công ty TNHH TM Kiến Quang	2.796.113.250	-
Giá gốc trả trước cho người bán	<u>5.891.142.850</u>	<u>5.833.141.600</u>
Dự phòng nợ khó đòi	(1.547.514.800)	-
Giá trị thuần	<u>4.343.628.050</u>	<u>5.833.141.600</u>

Trong đó: khoản trả trước cho người bán – Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long đã được lập dự phòng 50% (xem thuyết minh 4.5)

4.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu của Tecco	1.502.658.918	1.502.658.918
Phải thu của Tohozinc	48.397.538	73.663.234
Phải thu tiền ồm đầu của BHHH	35.780.085	76.930.476
Phải thu khác	50.000.000	-
Giá gốc các khoản phải thu khác	<u>1.636.836.541</u>	<u>1.653.252.628</u>
Dự phòng nợ khó đòi	(1.502.658.918)	-
Giá trị thuần	<u>134.177.623</u>	<u>1.653.252.628</u>

Trong đó: khoản phải thu khác – Công ty cổ phần đầu tư và ứng dụng Công nghệ Mới (Tecco) đã được lập dự phòng 100% (xem thuyết minh 4.5)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	3.050.173.718	-
Hoàn nhập trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>3.050.173.718</u>	<u>-</u>

Dự phòng nợ phải thu khó đòi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Số dư trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ trích lập dự phòng	Dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2014 VND
Trả trước cho người bán			
• DNTN TM Ngân Long	3.095.029.600	50%	1.547.514.800
Phải thu khác			
• TECCO	1.502.658.918	100%	1.502.658.918
	<u>4.597.688.518</u>		<u>3.050.173.718</u>

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	6.882.470.247	4.390.757.577
Công cụ, dụng cụ	147.662.915	199.249.138
Thành phẩm	21.102.839	34.349.010
Cộng giá gốc hàng tồn kho	7.051.236.001	4.624.355.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.187.000)
Giá trị thuần	<u>7.051.236.001</u>	<u>4.623.168.725</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.187.000	52.411.949
Trích lập trong năm	-	1.187.000
Hoàn nhập trong năm	(1.187.000)	(52.411.949)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>1.187.000</u>

.4895
NG T
HIỆM HI
H TOA
IỆT N
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2014	16.380.187.624	2.479.702.694	2.517.836.551	1.477.514.272	22.855.241.141
Tăng trong năm	-	-	-	70.280.000	70.280.000
Thanh lý trong năm	-	(75.916.640)	(337.230.000)	(217.710.636)	(630.857.276)
Vào ngày 31/12/2014	16.380.187.624	2.403.786.054	2.180.606.551	1.330.083.636	22.294.663.865
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2014	14.671.938.140	2.479.702.694	2.260.968.996	1.477.514.272	20.890.124.102
Khấu hao trong năm	700.656.255	-	53.761.900	2.295.900	756.714.055
Thanh lý trong năm	-	(75.916.640)	(337.230.000)	(217.710.636)	(630.857.276)
Vào ngày 31/12/2014	15.372.594.395	2.403.786.054	1.977.500.896	1.262.099.536	21.015.980.881
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2014	1.708.249.484	-	256.867.555	-	1.965.117.039
Vào ngày 31/12/2014	1.007.593.229	-	203.105.655	67.984.100	1.278.682.984

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 31/12/2014	5.104.365.873	2.403.786.054	1.862.702.096	1.259.803.636	10.630.657.659
---------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	-----------------------

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2014	108.436.107
Vào ngày 31/12/2014	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2014	108.436.107
Vào ngày 31/12/2014	108.436.107
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2014	-
Vào ngày 31/12/2014	-
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	
Vào ngày 31/12/2014	108.436.107



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.9 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
<i>Nguyên giá</i>	
Vào ngày 01/01/2014	6.211.957.943
Vào ngày 31/12/2014	6.211.957.943
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Vào ngày 01/01/2014	5.808.650.637
Khấu hao trong năm	189.375.858
Vào ngày 31/12/2014	5.998.026.495
<i>Giá trị còn lại</i>	
Vào ngày 01/01/2014	403.307.306
Vào ngày 31/12/2014	213.931.448
Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	
Vào ngày 31/12/2014	3.875.657.931

4.10 Đầu tư dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	510.000.000 (a)	510.000.000
Đầu tư dài hạn khác	446.500.000 (b)	446.500.000
	956.500.000	956.500.000

(a) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh - được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001194 ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Hoạt động chính của công ty này là sản xuất linh kiện điện tử và vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 VND, trong đó Công ty phải góp 51% tương ứng 2.550.000.000 VND. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp 510.000.000 VND đạt 20% của số vốn mà Công ty phải góp; Và chỉ đạt 30% trên tổng số vốn mà các cổ đông đã góp vào công ty này 1.699.000.000 VND.

(b) Khoản góp vốn đầu tư vào dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Ứng Dụng Công Nghệ Mới (TECCO). Đây là khoản ứng trước theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc, chưa xác định tổng số tiền phải góp và tiền độ góp vốn, đến thời điểm này dự án chưa triển khai xây dựng.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ	155.283.761	196.490.263
Phí duy trì tên miền	41.404.264	22.331.841
	196.688.025	218.822.104

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	218.822.104	215.527.541
Phát sinh tăng trong năm	192.946.331	233.341.231
Phân bổ trong năm	(215.080.410)	(230.046.668)
Số dư cuối năm	196.688.025	218.822.104
4.12 Phải trả người bán	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả người bán – bên thứ 3		
Trong nước	-	-
Nước ngoài - USD	1.773.738.669	481.462.291
	1.773.738.669	481.462.291
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 83.485,77 USD tương đương 1.773.738.669 VND.		
4.13 Người mua trả tiền trước	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	497.449.357	3.120.832.000
	497.449.357	3.120.832.000
4.14 Thuế		
<i>Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và các khoản phải thu nhà nước</i>		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	48.028.754	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	652.355.907	454.274.601
	700.384.661	454.274.601
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	147.054.534
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	-
	-	147.054.534
(*) Chi tiết phát sinh tiền thuê đất như sau:		
	2014 VND	2013 VND
Tiền thuê đất phải nộp đầu năm	-	320.512.407
Số phải nộp trong năm (đã giảm 50%)	2.138.728.474	2.138.728.565
Giảm chi phí trích thừa năm 2011 và 2012	-	(288.357.339)
Tiền thuê đất đã nộp trong năm	(2.138.728.474)	(2.170.883.633)
Tiền thuê đất còn phải nộp cuối năm	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Căn cứ vào thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 8 tháng 2 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn giảm một số khoản thu ngân sách theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7 tháng 1 năm 2013 của Chính phủ. Công ty CP Điện Tử Bình Hoà thuộc đối tượng được giảm 50% tiền thuế đất năm 2013 và năm 2014.

4.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	(79.483.307)	(120.831.902)
Trích lập quỹ trong năm	88.852.091	213.532.795
Thu lại tiền quỹ	500.000	-
Chi quỹ trong năm	(91.284.660)	(172.184.200)
Số dư cuối năm (*)	(81.415.876)	(79.483.307)

(*) Hàng năm Công ty sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

4.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ký quỹ thuê mặt bằng	166.210.600	187.556.600
	166.210.600	187.556.600

4.17 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	29.000.000.000	1.758.068.050	458.851.690	2.337.012.795	33.553.932.535
Lãi trong năm	-	-	-	88.852.091	88.852.091
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	46.740.000	46.740.000	(93.480.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(213.532.795)	(213.532.795)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.030.000.000)	(2.030.000.000)
Số dư 31/12/2013	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	88.852.091	31.399.251.831
Năm nay					
Số dư 01/01/2014	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	88.852.091	31.399.251.831
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(4.904.860.398)	(4.904.860.398)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(88.852.091)	(88.852.091)
Số dư 31/12/2014	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	(4.904.860.398)	26.405.539.342

Vốn đầu tư chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 đồng được chia thành 2.900.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

14489
ÔNG T
NHỆM H
M T O
VIỆ T
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Cổ phiếu	2014	2013
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000
5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
5.1 Doanh thu	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	85.438.259.849	84.510.341.354
- Nội địa	45.259.838.891	47.520.003.113
- Xuất khẩu	40.178.420.958	36.990.338.241
Doanh thu cho thuê bất động sản	6.078.439.125	5.949.307.541
Doanh thu bán vật tư	263.326.899	264.801.110
Doanh thu bán phế liệu	30.904.821	44.220.869
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.937.224.838	1.580.358.217
Doanh thu bán hàng hóa	1.955.200.000	7.636.364
Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ	95.703.355.532	92.356.665.455
5.2 Giá vốn hàng bán	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	81.503.720.888	79.221.342.236
- Nội địa	44.919.973.664	47.785.748.766
- Xuất khẩu	36.583.747.224	31.435.593.470
Giá vốn bất động sản	872.459.358	1.030.319.049
Giá vốn bán vật tư	128.302.372	195.915.929
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.132.051.497	740.246.439
Giá vốn bán hàng hóa	1.880.000.000	7.407.273
Dự phòng /(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.187.000)	(239.021.278)
	85.515.347.115	81.144.005.977
5.3 Doanh thu hoạt động tài chính	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	280.244.398	444.468.855
Cổ tức	-	20.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	153.912.975	287.035.317
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.455.122	-
	437.612.495	751.904.172



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.4 Chi phí tài chính	2014 VND	2013 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.663.754	90.671.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.598.657	6.949.771
	113.262.411	97.621.750
5.5 Chi phí bán hàng	2014 VND	2013 VND
Chi phí vật liệu bao bì	1.718.367.716	1.607.675.492
Chi phí xuất hàng	473.332.545	512.859.510
Chi phí hoa hồng môi giới, quảng cáo	197.188.091	228.903.963
Chi phí khác	-	8.296.000
	2.388.888.352	2.357.734.965
5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	5.558.998.528	5.670.375.350
Chi phí đồ dùng văn phòng	415.505.056	333.820.250
Chi phí khấu hao	64.514.780	246.955.155
Tiền thuê đất	1.475.657.974	1.225.116.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.130.985	415.843.830
Chi phí dự phòng nợ phải thu	3.050.173.718	-
Chi phí khác	2.083.864.583	2.522.553.294
	13.278.845.624	10.414.664.481
5.7 Thu nhập khác	2014 VND	2013 VND
Thu tiền đền bù vật tư	-	352.603.895
Thu do khách hàng hỗ trợ	800.402.708	814.801.458
Thu thanh lý tài sản	17.727.273	-
Khác	-	38.989.575
	818.129.981	1.206.394.928
5.8 Chi phí khác	2014 VND	2013 VND
Chi đền bù, bồi thường	331.104.128	55.967.265
Chi thù lao Hội đồng quản trị	-	72.600.000
Chi phí khác	236.510.776	43.198.941
	567.614.904	171.766.206

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(4.904.860.398)	129.171.176
Cộng chi phí không được trừ	-	-
Cộng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.143.535	8.705.162
Cộng phạt vi phạm hành chính, thuế	236.510.776	43.800.000
Trừ thu nhập không chịu thuế	-	(20.400.000)
Trừ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(8.705.162)	-
Thu nhập chịu thuế	(4.647.911.249)	161.276.338
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	40.319.085

Thuế TNDN hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản thuế hoãn lại của khoản lỗ được mang sang không ghi nhận bởi Công ty cho rằng việc có thể tạo ra lợi nhuận trong tương lai để cân trừ với tài sản thuế hoãn lại là không chắc chắn.

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014	2013
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(4.904.860.398)	88.852.091
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.691)	31

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	50.256.896.806	43.216.093.060
Chi phí nhân viên	31.891.235.518	32.357.420.867
Chi phí khấu hao	946.089.913	1.363.549.858
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	3.048.986.718	(51.224.949)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.022.970.090	7.171.558.616
Chi phí khác bằng tiền	10.016.902.046	9.038.403.196
	101.183.081.091	93.095.800.648

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 5.1 và 5.2.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	7.421.424.602	8.971.379.995	7.421.424.602	8.971.379.995
Phải thu khách hàng	6.460.063.910	10.042.382.953	6.460.063.910	10.042.382.953
Phải thu khác	98.397.538	1.653.252.628	98.397.538	1.653.252.628
Đầu tư dài hạn	446.500.000	446.500.000	446.500.000	446.500.000
	14.426.386.050	21.113.515.576	14.426.386.050	21.113.515.576
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.773.738.669	481.462.291	1.773.738.669	481.462.291
Phải trả ngắn hạn khác	2.278.125	-	2.278.125	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	166.210.600	187.556.600	166.210.600	187.556.600
	1.942.227.394	669.018.891	1.942.227.394	669.018.891

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Rủi ro tỷ giá : là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
USD	83.485,77	22.887,54	308.419,56	222.778,76

Công ty chịu rủi ro về giá do thực hiện mua nguyên liệu cho sản xuất gia công. Công ty quản lý rủi ro về giá thông qua việc theo dõi thông tin thị trường nhằm quản lý thời gian mua hàng phù hợp tiến độ sản xuất, gia công và mức độ hàng tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên:

Về phải thu khách hàng: Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Trả trước người bán: Công ty cố gắng đôn đốc các Nhà cung cấp thực hiện việc giao hàng theo như hợp đồng được ký kết cũng như thực hiện các cam kết, thỏa thuận về giao hàng.

Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý tính thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền mặt, tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cho hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động này.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời gian dự kiến thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở giá gốc:

	Đơn vị tính VND		Cộng
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	
Vào ngày 31/12/2014			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	1.773.738.669	-	1.773.738.669
Các khoản phải trả khác	2.278.125	166.210.600	168.488.725
	1.776.016.794	166.210.600	1.942.227.394
Vào ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	481.462.291	-	481.462.291
Các khoản phải trả khác	-	187.556.600	187.556.600
	481.462.291	187.556.600	669.018.891

8995
 CÔNG TY
 HỮU
 HẠN
 BÌNH
 HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn đáo hạn của các tài sản tài chính phi phái sinh của Công ty dựa trên cơ sở mức đáo hạn theo giá gốc của hợp đồng. Việc trình bày thông tin tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản tài chính.

	Đơn vị tính : VND		Cộng
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	
Vào ngày 31/12/2014			
Tiền và tương đương tiền	7.421.424.602	-	7.421.424.602
Phải thu khách hàng	6.460.063.910	-	6.460.063.910
Phải thu khác	98.397.538	-	98.397.538
Đầu tư dài hạn	-	446.500.000	446.500.000
	13.979.886.050	446.500.000	14.426.386.050
Vào ngày 31/12/2013			
Tiền và tương đương tiền	8.971.379.995	-	8.971.379.995
Phải thu khách hàng	10.042.382.953	-	10.042.382.953
Phải thu khác	1.653.252.628	-	1.653.252.628
Đầu tư dài hạn	-	446.500.000	446.500.000
	20.667.015.576	446.500.000	21.113.515.576

Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng bất cứ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro.

Tài sản đảm bảo

Công ty có nắm giữ tiền đặt cọc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 166.210.600 VND và ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 187.556.600 VND.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Cho thuê kho xưởng	207.656.941
	Thu tiền dịch vụ	18.321.762
	Tạm ứng tiền gia công	50.000.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Phải thu tiền dịch vụ	189.335.179
	Tạm ứng tiền gia công	50.000.000
Công ty CP Công nghệ Mới	Phải thu khác	1.949.158.918

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8.2. Tiền lương trả cho Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lương Ban Giám đốc	624.104.908	624.863.000
Thù lao cho các thành viên, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	72.600.000
	<u>624.104.908</u>	<u>697.463.000</u>

8.3. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang như sau:

	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP.HCM	4.268.975.530	17.075.902.120	4.268.975.530	25.613.853.180
Khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	237.237.298	948.949.191	6.978.730.506	8.164.916.994
	<u>4.506.212.828</u>	<u>18.015.471.694</u>	<u>11.247.706.036</u>	<u>33.778.770.174</u>


Tiền thuê đất năm 2014 tại 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh được tính theo đơn giá thuê mới do Sở Tài Chính ban hành;

Trong đó:

- + Đất thuê làm văn phòng là: 218.900 đ/m²/năm
- + Đất thuê đất làm xưởng, kho là: 173.300 đ/m²/năm.

Căn cứ vào thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 8 tháng 2 năm 2013 về việc hướng dẫn giảm một số khoản thu ngân sách theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7 tháng 1 năm 2013. Công ty CP Điện Tử Bình Hoà thuộc đối tượng được giảm 50% tiền thuê đất năm 2013 và năm 2014.


HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu Street,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 82 2200 237
Fax: +84 82 2200 265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Ha Noi City Office
No. 93/B1, Cau Giay Street,
Quan Hoa Ward,
Cau Giay District, Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 43 7670 657
Fax: +84 43 7670 555
Email: pkf.afchn@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho City Office
No. 237A5, 30-4 Street, Hung Loi Ward,
Ninh Kieu District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 710 382 7888
Fax: +84 710 382 3209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn

AFC Vietnam is a member firm of the PKF International Limited network of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions on the part of any other individual member firm or firms.